

THÔNG BÁO GIA HẠN CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026

Kính gửi: CÁC NHÀ THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ DẦU DIESEL

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh kính mời quý Công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia chào giá cạnh tranh thực hiện gói thầu cung cấp dầu diesel năm 2026 kèm theo các điều kiện sau:

- Có giấy phép kinh doanh phù hợp với gói thầu, có các hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện.

- Mỗi nhà thầu chỉ có một HSDX chào giá cạnh tranh.

- Tham gia dự mở hồ sơ đề xuất (HSDX) nếu muốn.

- Nếu nhận được thông báo trúng thầu, cam kết ký hợp đồng không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

Thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu (HSYC) từ: **10h30' ngày 22 tháng 12 năm 2025 đến trước 10h00' ngày 26 tháng 12 năm 2025** (trong giờ hành chính).

- Địa chỉ phát hành HSYC chào giá: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, địa chỉ Số 1; đường Cái Lân; phường Bãi Cháy; Tỉnh Quảng Ninh.

- Mỗi đơn vị tham gia chào giá được cung cấp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chào giá miễn phí hoặc tìm hiểu thông tin trên trang Web www.quangninhport.com.vn.

- Đề nghị Quý Công ty gửi chào giá (theo mẫu tại hồ sơ yêu cầu) đến chúng tôi bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ sau:

Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

+ Địa chỉ: Số 1 – đường Cái Lân – phường Bãi Cháy – Tỉnh Quảng Ninh.

+ Điện thoại : 0203.6283288.

- Hồ sơ chào giá phải được gửi đến Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo địa chỉ trên trước **10h00' ngày 26 tháng 12 năm 2025** (hồ sơ gửi sau thời điểm này không có giá trị xét chào giá).

- HSDX của các nhà thầu được mở công khai vào hồi: **10h30', ngày 26 tháng 12 năm 2025**, tại địa chỉ phát hành HSYC chào giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm của các nhà thầu./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban điều hành công ty (b/c);
- Phòng TCKT, VT;
- Phòng HCQT (để đăng lên website của Cảng);
- Lưu KTCN-AT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Tùng

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh
Gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần cảng Quảng Ninh;
- Căn cứ Nghị Quyết số 96/2025/NQ-HĐQT ngày 20/11/2025 về việc Chủ trương mua dầu diesel năm 2026.
- Căn cứ Quyết định số 475/2025/QĐ-TGD ngày 21/11/2025 về việc thành lập Tổ xây dựng HSYC chào giá cạnh tranh gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026.
- Căn cứ Quyết định số 476/2025/QĐ-TGD ngày 21/11/2025 về việc thành lập Hội đồng thẩm định HSYC chào giá cạnh tranh gói thầu: Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026.
- Căn cứ dự thảo Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh do Tổ xây dựng Hồ sơ yêu cầu chào giá lập, đã được Hội đồng thẩm định thống nhất tại biên bản họp ngày 26/11/2025;
- Căn cứ Nghị Quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025 về việc Thông qua hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh cung cấp dầu diesel năm 2026.
- Theo đề nghị của Tổ xây dựng Hồ sơ yêu cầu chào giá, Hội đồng thẩm định Hồ sơ yêu cầu chào giá,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh gói thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Tổ xây dựng hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh: Chịu trách nhiệm quản lý, phát hành hồ sơ chào giá, tiếp nhận HSDX, mở HSDX, đánh giá HSDX thực hiện các thủ tục theo các quy định của Công ty.
- Hội đồng thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh: Chịu trách nhiệm thẩm định kết quả đánh giá HSDX, thương thảo hợp đồng để lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026.

Điều 3. Các ông (bà) Ban tổng giám đốc công ty, Hội đồng thẩm định Hồ sơ chào giá cạnh tranh, Tổ xây dựng Hồ sơ yêu cầu chào giá, Trưởng các phòng KTCN-AT, TCKT, VT, HCQT, Xí nghiệp CGHL, Xí nghiệp SC và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu KTCN-AT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

GÓI THẦU: LỰA CHỌN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DẦU DIESEL NĂM 2026

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 1, ĐƯỜNG CÁI LÂN, PHƯỜNG BÃI CHÁY, TỈNH QUẢNG NINH

Quảng Ninh, Ngày 12/1/2025



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói thầu:

Lựa chọn đơn vị cung cấp dầu diesel năm 2026

Ngày phát hành: 12.../12.../2025

Ban hành kèm theo Quyết định số: 522./2025/QĐ-TGD ngày 12.../12.../2025 của
Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Bên mời thầu
Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Hùng

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Từ ngữ viết tắt	
Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với nhà thầu	
Chương I: Yêu cầu về thủ tục chào giá cạnh tranh	
A. Tổng Quát	
Mục 1. Nội dung gói thầu	
Mục 2. Điều kiện tham gia chào giá của nhà thầu:	
Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC	
Mục 4. Khảo sát hiện trường	
B. Chuẩn bị HSDX	
Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng	
Mục 6: Nội dung HSDX	
Mục 7. Đơn đề xuất chào giá cạnh tranh	
Mục 8. Giá đề xuất và biểu giá	
Mục 9. Tài liệu chứng minh tính cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	
Mục 10. Bảo đảm dự thầu	
Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX	
Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX	
C. Nộp HSDX	
Mục 13. Thời hạn nộp HSDX	
Mục 14. HSDX nộp muộn	
Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX	
D. Mở thầu	
Mục 16. Mở thầu	
Mục 17. Làm rõ HSDX	
Mục 18. Đánh giá các HSDX	
E. Trúng thầu	
Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu	
Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	
Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng	
Mục 22. Kiến nghị trong chào giá cạnh tranh	
Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào giá cạnh tranh	
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX	
Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	
Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, chất lượng:	
Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính	
Chương III. Biểu mẫu đề xuất	
Phần thứ hai: Yêu cầu về chủng loại, chất lượng dầu diesel	

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
CQN	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung gói thầu:

1. Bên mời chào giá cạnh tranh: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: **0203.6283288**

Email: **thuky@quangninhport.com.vn**

2. Bên mời chào giá cạnh tranh mời nhà thầu tham gia chào thầu gói thầu: **Cung cấp dầu diesel năm 2026.**

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026

4. Nội dung hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc

5. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn từ sản xuất kinh doanh của CQN

Mục 2. Điều kiện tham gia dự chào giá của các nhà thầu:

1. Nhà thầu phải là tổ chức có đủ tư cách pháp nhân hợp lệ, đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ cung cấp dầu diesel trên đường bộ và trực tiếp cho các phương tiện thủy.
- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
- Hạch toán tài chính độc lập.
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- Không trong thời gian bị cấm tham dự thầu.

2. Nhà thầu chỉ được tham gia trong một HSĐX với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.

Mục 3. HSYC, giải thích làm rõ HSYC và sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSĐX thuộc trách nhiệm của các nhà thầu.

2. HSYC được phát hành cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia theo thời gian quy định trong thông báo mời chào giá. Đối với nhà thầu liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.

3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ yêu cầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.

4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ yêu cầu thì các nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.

- Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ yêu cầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ yêu cầu.

- Nội dung làm rõ hồ sơ yêu cầu không được trái với nội dung của hồ sơ yêu cầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ yêu cầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ yêu cầu thì việc sửa đổi hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục này.

5. Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ yêu cầu là một phần của hồ sơ yêu cầu.

6. Sau khi làm rõ HSYC, nhà thầu cần xác nhận bằng biên bản/văn bản với nội dung “Đã hiểu rõ toàn bộ thông tin của HSYC và cam kết chào giá tuân thủ theo toàn bộ nội dung của HSYC”.

7. Để đảm bảo tính cạnh tranh, khách quan trong quá trình mời thầu: các thông tin phải được các nhà thầu hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu giống nhau về yêu cầu của chủ đầu tư.

Mục 4. Khảo sát hiện trường.

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDX. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 5: Ngôn ngữ sử dụng

HSDX cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và các nhà thầu liên quan đến việc chào giá phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 6: Nội dung HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn đề xuất chào giá theo quy định tại Mục 7 Chương này.
2. Giá đề xuất chào giá và biểu giá theo quy định tại Mục 08 Chương này.
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này.
4. Đề xuất về chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng dầu diesel theo quy định tại Phần thứ hai của HSYC này.
5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này.
6. Các nội dung khác.

Mục 7. Đơn đề xuất chào giá cạnh tranh

1. Đơn đề xuất chào giá do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

2. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

3. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất chào giá. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 8. Giá đề xuất và biểu giá

1. Giá đề xuất là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chào giá thuộc HSĐX sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về chủng loại, thông số kỹ thuật, chất lượng dầu diesel và cùng một thời điểm do bên mời thầu chỉ định.

2. Giá đề xuất được chào giá bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đủ các thông tin vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục công việc theo nội dung nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 7 Chương III. Đơn giá đề xuất phải bao gồm các yếu tố: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí khác được phân bổ trong đơn giá đề xuất như bến bãi, kho xưởng, điện, nước, vận chuyển, chi phí bảo vệ môi trường, ô nhiễm dầu.

4. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu, hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

Mục 9. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu

a. Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh.

b. Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh.

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

a. Khả năng huy động máy móc thiết bị cung cấp dịch vụ được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương III

b. Kế khai cán bộ chủ chốt điều hành thực hiện cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 6A và Mẫu số 6B Chương III

c. Các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 8 Chương III

d. Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 9 Chương III

e. Năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 10 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

f. Các tài liệu khác

Mục 10. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham gia chào giá các nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo các quy định sau:

a. Hình thức bảo đảm dự thầu: Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu nộp đặt cọc bằng tiền mặt thì nộp tại Phòng Tài Chính Kế Toán của Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh trước thời điểm đóng thầu. Nếu nộp thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung quy định tại Mẫu số 11 Chương III.

b. Giá trị bảo đảm dự thầu: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn)

c. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 40 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

d. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

- Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.

- Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau : có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSYC, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu (đối với nhà thầu liên danh thì theo quy định tại khoản 1 Mục này), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây.

a. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật đấu thầu

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

e. Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm dự thầu.

Mục 11. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là **40** ngày kể từ thời điểm đóng thầu (ngày/...../2025). HSDX có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại khoản này là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDX một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu

Mục 12. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một (1) bản gốc và một (1) bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng và một (1) USB chứa dữ liệu dự thầu.

2. HSDX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký và đóng dấu.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

4. Để hồ sơ dự thầu đảm bảo không thất lạc nội dung đúng như khi nộp ban đầu, HSDX phải đánh số trang và ký nháy từng trang, đóng dấu giáp lai. Hồ sơ Gốc được bảo quản đúng quy định.

C. NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 13. Thời hạn nộp HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX qua đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu:

14h30, ngày tháng năm 2025. (HSDX nhà thầu nhận được phải ở trạng thái niêm phong kín với hồ sơ bản cứng (bản in) và USB).

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDX (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDX hoặc khi sửa đổi HSYC theo Mục 3 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDX, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSYC, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDX trên trang web của Công ty. Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDX đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDX) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDX có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDX của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDX thì bên mời thầu quản lý HSDX đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”

Mục 14. HSDX nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thư giảm giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu quy định tại Mục 18 Chương này).

Mục 15. Sửa đổi hoặc rút HSDX

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDX đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDX phải được gửi riêng biệt với HSDX.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 16. Mở thầu

Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong hồ sơ đề xuất của từng nhà thầu. Ngay sau thời điểm đóng thầu, vào **lúc ...h00 ngày .../.../2025**, bên mời thầu tiến hành mở các hồ sơ đề xuất và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp hồ sơ đề xuất.

- Các thành phần tham gia mở chào giá (tối thiểu phải gồm 03 thành phần: bộ phận tiếp nhận/ quản lý hồ sơ dự thầu, đại diện tổ đánh giá kỹ thuật và đại diện tổ đánh giá tài chính).

- Biên bản mở thầu phải ghi nhận thông tin về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu. Trường hợp không hợp lệ cần nêu rõ lý do.

- Giá chào của các nhà thầu phải được mở tại cùng 1 thời điểm.

Mục 17. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSDX thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất.

2 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ đề xuất.

Mục 18. Đánh giá các HSDX

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX:

- a. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 mục 2 chương I
- b. Có bản gốc hồ sơ đề xuất.
- c. Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu ; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá đề xuất ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
- d. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC.
- e. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
- f. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- g. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).
- h. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại mục 1 chương II: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm nhà thầu trong hồ sơ yêu cầu.
- b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá về kỹ thuật, chất lượng và giá thành:

- a. Đánh giá về kỹ thuật:
- b. Việc đánh giá khối lượng công việc và giá phải đảm bảo nguyên tắc: khối lượng công việc giữa các nhà thầu là tương đương.

- Theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại mục 2 chương II:

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật trong hồ sơ yêu cầu đối với các HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ, và đạt yêu cầu về chủng loại, chất lượng, thời gian bảo hành, tiến độ giao hàng. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”

c. So sánh giá chào:

- Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

- Bên mời thầu so sánh giá chào của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói thầu sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng phải theo trình tự sau đây:

Cơ sở thương thảo:

- a. Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất.
- b. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất (nếu có) của nhà thầu.
- c. Hồ sơ yêu cầu.

Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

- a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
- b. Thực hiện thương thảo đối với phần sai lệch, thiếu theo hồ sơ yêu cầu.

Nội dung thương thảo hợp đồng

- a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ đề xuất có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ đề xuất (nếu có).
- c. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.
- d. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác

- Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

- Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu.

E. TRÚNG THẦU

Mục 19. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDX hợp lệ.
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu.
3. Có đề xuất về chủng loại, thông số kỹ thuật, chất lượng đáp ứng yêu cầu.
4. Có các tiêu chí trong báo giá tốt nhất.
5. Thời gian bảo hành, thời gian giao hàng tốt nhất.

Mục 20. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây.

- a. Tên nhà thầu trúng thầu.
- b. Giá trúng thầu.
- c. Loại hợp đồng.
- d. Thời gian thực hiện hợp đồng.
- e. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.
- f. Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu.
- g. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.
- h. Trường hợp hủy thầu trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Mục 21. Hoàn thiện ký kết hợp đồng

1. Điều kiện ký kết hợp đồng

- Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
- Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
- Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

2. Ký kết hợp đồng

- Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật.
- Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
- Giá hợp đồng không được vượt giá trúng thầu. Trường hợp bổ sung khối lượng

công việc ngoài hồ sơ yêu cầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải bảo đảm giá hợp đồng không được vượt giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt.

Mục 22. Kiến nghị trong chào giá cạnh tranh

- Nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề khác trong quá trình dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: **Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh.**

Mục 23. Xử lý vi phạm trong chào giá cạnh tranh

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 2 nội dung nêu tại các điểm 1 và 2 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực

Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Năng lực, kinh nghiệm	
	1.1. Kinh nghiệm cung cấp dầu diesel 1.2. Số năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ dầu diesel trên bộ và phương tiện thủy (bao gồm cả tính kế thừa theo lịch sử phát triển của nhà thầu) 1.3. Kinh nghiệm thi công gói thầu tương tự: - Số lượng Hợp đồng cung cấp dịch vụ dầu diesel với tư cách là nhà thầu chính hoặc thành viên của liên doanh tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 05	5 năm

	năm gần đây. - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có tối thiểu 10 hợp đồng cung cấp dịch vụ dầu diesel.	5 hợp đồng
2	Năng lực tài chính	
	2.1. Báo cáo tài chính trong 3 năm gần đây (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính gửi Cơ quan thuế khi quyết toán thuế TNDN năm). 2.2. Doanh thu: - Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm gần đây - Đối với nhà thầu liên danh: Tổng doanh thu bình quân của các thành viên phải ≥ 05 tỷ VND, trong đó: (a) Doanh thu bình quân hàng năm trong 03 năm gần nhất của thành viên đứng đầu liên danh tối thiểu phải ≥ 05 tỷ VND nhân với tỷ lệ tham gia theo thỏa thuận liên danh. (b) Doanh thu bình quân hàng năm trong 03 năm gần nhất của thành viên còn lại trong liên danh tối thiểu phải ≥ 05 tỷ VND nhân với tỷ lệ tham gia theo thỏa thuận liên danh. 2.3. Giá trị tài sản ròng 2.4. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 2.5. Tình hình tài chính lành mạnh: Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh. Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh. (a) Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định của Pháp luật: (b) Số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗ trong thời gian 3 năm gần nhất	≥ 10 tỷ VN đồng > 0 ≥ 1 Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ trong 03 năm gần đây 3 năm

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: Áp dụng phương pháp chấm điểm

I. Đánh giá đơn vị cung cấp dịch vụ dầu diesel

Tổng hợp chung về mặt kỹ thuật, mức điểm yêu cầu tối thiểu được quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm.

HSĐX có tổng số điểm đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

S TT	Nội dung tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
I	Về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	<u>15</u>	
1	Số năm kinh nghiệm của nhà thầu về thực hiện cung cấp dịch vụ dầu diesel.	<u>5</u>	1
	Số năm hoạt động < 5 năm.	1	
	Số năm hoạt động ≥ 5 năm.	2	
	Số năm hoạt động ≥ 7 năm.	3	
	Số năm hoạt động ≥ 10 năm.	5	
2	Kinh nghiệm thực hiện gói thầu về cung cấp dịch vụ dầu diesel	<u>10</u>	
2.1	Đã thực hiện cung cấp dầu diesel trong 5 năm gần đây.	5	2
	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 5 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: ≥ 10 hợp đồng	5	
2.2	Kinh nghiệm của nhà thầu thông qua việc thực hiện công tác cung cấp dịch vụ dầu diesel có giá trị hợp đồng ≥ 500 triệu đồng, trong 5 năm gần đây.	5	2
	Kinh nghiệm: 0 hợp đồng	0	
	Kinh nghiệm: 05 hợp đồng	2	
	Kinh nghiệm: 10 hợp đồng	3	
	Kinh nghiệm: ≥ 10 hợp đồng	5	
II	Giải pháp và phương pháp thực hiện công tác lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ dầu diesel.	<u>5</u>	3
1	Hiểu biết của nhà thầu về mục đích, yêu cầu của gói thầu được nêu trong yêu cầu chào giá.	2	2
	Hiểu không đúng	0	
	Hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu giống nhau	2	
2	Cách tiếp cận và phương pháp luận: mức độ hoàn chỉnh hợp lý	1.5	1

	của phương pháp luận do nhà thầu đề xuất so với yêu cầu		
	Không đạt yêu cầu	0	
	Tương đối hoàn chỉnh và hợp lý	1	
	Hoàn chỉnh và hợp lý	1.5	
3	Kế hoạch triển khai chương trình công tác *Đính kèm: Bảng kế hoạch phân công công tác của các thành viên tham gia gói thầu này. Đề cương thực hiện gói thầu gồm:	1.5	
3.1	Cộng tác điều tra, thu thập số liệu, tài liệu liên quan đến gói thầu		
3.2	Cộng tác khảo sát, điều tra thu thập số liệu.		
3.3	Phương án tham vấn cộng đồng		
3.4	Lập báo cáo đề xuất cung cấp dịch vụ		
III	Chất lượng cung cấp dịch vụ	<u>80</u>	
1	Chất lượng, chủng loại dầu diesel DO 0,05S-II	<u>10</u>	10
-	Cam kết hàng hóa có đủ các chứng chỉ, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng theo quy định của nhà Nước hiện hành.	10	
-	Không có cam kết, giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa theo quy định của nhà Nước hiện hành	0	
2	Phương án cấp dầu	<u>15</u>	5
-	Chỉ cấp được dầu vào kho trên bộ bên mua	5	
-	Chỉ cấp được dầu cho các phương tiện thủy bên mua	10	
-	Cấp được cả dầu vào kho trên bộ và cấp dầu cho các phương tiện thủy của bên mua	15	
3	Giá thành tốt nhất (đã bao gồm % giá chiết khấu-)	<u>15</u>	10
-	Không có chiết khấu	0	
-	Chiết khấu theo thời điểm hoặc chiết khấu cố định < mức chiết khấu bình quân năm 2025 của Cảng Quảng Ninh	10	
-	Chiết khấu cố định $\geq$ mức chiết khấu bình quân năm 2025 của Cảng Quảng Ninh	15	
4	Kế hoạch bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa ô nhiễm tràn dầu tại vị trí giao hàng.	<u>3</u>	3
5	Lưu mẫu bảo hành trong 2 lần cấp kế tiếp	<u>2</u>	2
6	Năng lực cấp hàng khi có yêu cầu	<u>10</u>	3

-	Cấp trong thời gian < 12h	10	
-	Cấp trong thời gian từ 12h đến 24h	7	
-	Cấp trong thời gian từ 24h đến 48h	3	
-	Cấp trong thời gian > 48h	0	
7	Điều kiện thanh toán	<u>10</u>	2
-	Thanh toán trước khi nhận hàng theo từng đơn hàng	0	
-	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn hàng < 5 ngày	2	
-	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn hàng thời gian từ 5 đến 10 ngày	5	
-	Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đơn > 10 ngày	10	
8	Thiết bị giao hàng	<u>15</u>	2
-	Phải đủ các giấy tờ kiểm định theo đúng quy định Nhà nước hiện hành	5	
-	Hàng hóa vận chuyển bằng xe chuyên dụng trước khi giao hàng cho bên mua phải được niêm phong (kẹp chì) theo đúng quy định.	5	
-	Đồng ý phối hợp với Cảng Quảng Ninh sử dụng cân xe chở dầu (téc) kiểm tra xác suất trước và sau khi giao dầu diesel vào kho của Cảng.	5	
	Tổng cộng: (điểm)	<u>100</u>	<u>70</u>

* Chi chú: Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc thuê.

Hồ sơ đề xuất có tổng số điểm kỹ thuật đạt từ 70% trở lên (theo thang điểm tối đa 100 điểm) sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm tối thiểu của các tiêu chí phải > 0 tùy theo từng thang điểm tại mỗi tiêu chí khác nhau nhưng đảm bảo không có điểm nào bị điểm liệt = 0.

Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá theo đánh giá tốt nhất

- Giá đánh giá thấp
- Thời gian thanh toán
- Giá trị thanh toán chậm

Bước 1: Sửa lỗi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá trị dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm _____ [Trường hợp được ủy quyền].

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh _____ [Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

⁽¹⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU ⁽¹⁾

<i>Loại thiết bị thi công</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Công suất</i>	<i>Tính năng</i>	<i>Nước sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê⁽²⁾</i>	<i>Chất lượng thực hiện hiện nay</i>

Ghi chú:

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này

(2) Trường hợp thuê máy móc thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản sao hợp đồng, bản cam kết hai bên ...).

Mẫu số 5**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

Stt	Tên nhà thầu phụ (nếu có) ⁽²⁾	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc	Giá trị ước tính	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có)
1					
2					
3					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

(2) Trường hợp nhà thầu dự kiến được tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Trường hợp chưa dự kiến được thì để trống nhưng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối lượng công việc và giá trị ước tính dành cho nhà thầu phụ.

Mẫu số 6A

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Stt	Họ tên	Chức danh ⁽³⁾
1		
2		
3		
...		

Ghi chú: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 6B.

^{(1), (2)} Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Giám đốc điều hành

Mẫu số 6B

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh⁽⁴⁾: _____

1 - Họ tên: _____

Tuổi: _____

2 - Bằng cấp: _____

Trường: _____

Ngành: _____

3 - Địa chỉ liên hệ: _____

Số điện thoại: _____

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Người khai

[Ký tên]

Mẫu số 8

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ (ghi tên đầy đủ của nhà thầu)

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên doanh, yêu cầu từng thành viên trong liên doanh kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 9**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]- cung cấp thông tin về tàu tương tự		
Ngày ký hợp đồng	[điền ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[điền ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[điền tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Trong trường hợp là thành viên trong liên doanh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[điền phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[điền số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND hoặc USD [điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[điền đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[điền số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II ⁽²⁾			
1. Loại, cấp tàu	[điền thông tin phù hợp]		
2. Giá trị hợp đồng	[điền số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]		
3. Cấp Hoán cải	[điền quy mô theo hợp đồng]		
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[mô tả về độ phức tạp của công trình]		
5. Các đặc tính khác	[điền các đặc tính khác theo Chương IV]		

Mẫu số 10**KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 03 năm tài chính gần đây

Đơn vị tính: _____ (VND, USD...)

TT		Năm _____	Năm _____	Năm _____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

B. Cam kết về lưu lượng tiền mặt sử dụng cho gói thầu:

1. Tài sản có thể chuyển thành tiền mặt: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)
2. Nguồn vốn tín dụng: _____
(kèm theo văn bản xác nhận của tổ chức cung cấp tín dụng)
3. Những phương tiện tài chính khác: _____
(kèm theo tài liệu chứng minh)

C. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai gồm (nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp được công chứng, chứng thực của một trong các tài liệu này):

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong 03 năm tài chính gần đây ;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong 03 năm tài chính gần đây;
3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong 03 năm tài chính gần đây.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trong trường hợp liên doanh, yêu cầu từng thành viên trong liên doanh kê khai theo mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc *[ghi tên nhà thầu tham dự thầu]*, sau đây gọi là “nhà thầu”, sẽ tham dự đấu thầu gói thầu “ ***Cung cấp dầu diesel* ”** của **Công Ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh**.

Chúng tôi *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính]* xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.⁽²⁾

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày kể từ ngày _____⁽⁴⁾. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

Đại diện hợp pháp của *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]*
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về chào giá cạnh tranh nêu trong HSYC.”

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I.

(4) Ghi theo thời điểm đóng thầu như quy định tại khoản 1 Mục 12 Chương I.

PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị	Quy cách	Đơn Giá	Số lượng	Tổng (VNĐ hoặc USD)	Thời gian bảo hành
1	...	...	...	...	...	...	...	

TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA

1. Chất lượng Hàng Hóa:.....
2. Hình ảnh Hàng Hóa:.....
3. Hồ sơ Hàng Hóa:.....
4. Bảo hành Hàng Hóa:.....

PHỤ LỤC 02: CHỨNG TỪ GIAO HÀNG⁴²

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

STT	Nội dung hồ sơ/tài liệu	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng		
				Bản gốc	Bản sao có chứng thực	Bản sao do Bên B xác nhận
1						
2						
3						
4						

⁴² Đơn vị triển khai điều chỉnh/bổ sung thông tin phù hợp thực tế

PHỤ LỤC 03: THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA CÁC BÊN

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

1. Bên Bán

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thông tin liên lạc	Chữ ký
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	

2. Bên Mua

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thông tin liên lạc	Chữ ký
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	
			Mobile: [-] Email: [-]	

PHỤ LỤC 04

DANH SÁCH ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN KÝ BIÊN BẢN GIAO HÀNG HÓA CỦA CÁC BÊN

(Đính kèm Hợp Đồng Nguyên Tác Mua Bán Hàng Hóa số:.....)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Văn bản Ủy quyền số	Thông tin liên lạc	Chữ ký
				Mobile: [-] Email: [-]	
				Mobile: [-] Email: [-]	
				Mobile: [-] Email: [-]	

ĐÍNH KÈM A: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa số:)

M1-BLTU'

BẢO LÃNH HOÀN TRẢ TIỀN TẠM ỨNG SỐ: []⁴³

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên Mua]

Xét rằng, Công ty _____ [ghi tên Bên Mua], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Mua] (sau đây gọi là "**Bên Mua**") và Công ty _____ [ghi tên Bên Bán], trụ sở tại _____ [ghi địa chỉ Bên Bán] (sau đây gọi là "**Bên Bán**") đã ký kết Hợp Đồng [ghi tên Hợp Đồng] số _____ [ghi số Hợp Đồng] đề ngày _____ [ghi ngày ký Hợp Đồng] (sau đây gọi là "**Hợp Đồng**").

Xét rằng, theo điều khoản về tạm ứng nêu trong Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm việc Bên Bán hoàn trả cho Bên Mua đúng hạn và đầy đủ khoản tiền tạm ứng _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ] (sau đây gọi là "**Tiền Tạm Ứng**") mà Bên Mua tạm ứng cho Bên Bán để thực hiện Hợp Đồng;

Xét rằng, chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là "**Ngân Hàng**"), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng của Bên Bán theo quy định của Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là [Ghi số tiền bảo lãnh]⁴⁴ ("**Số Tiền Bảo Lãnh**"). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn **Số Tiền Bảo Lãnh** ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này.

Giá trị của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên Mua đã thu hồi qua các kỳ thanh toán trên cơ sở việc Bên Bán xuất trình văn bản có xác nhận của Bên Mua về số tiền tạm ứng mà Bên Mua đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này.

Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận tiền

⁴³ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁴⁴ Tương đương với Tiền Tạm Ứng.

tạm ứng theo Hợp Đồng cho đến hết 24h ngày ____ tháng ____ năm⁴⁵, (“Ngày Hết Hiệu Lực”).

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành [30] (ba mươi)⁴⁶ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30] (ba mươi)⁴⁷ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực, nếu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả Tiền Tạm Ứng theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này được phát hành thành [-]⁴⁸ bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Hoàn Trả Tiền Tạm Ứng này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁴⁹

⁴⁵ Là ngày kết thúc thời hạn thực hiện Hợp Đồng cộng thêm 30 ngày. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc ngày hết hạn trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu tiến độ thu hồi tiền tạm ứng với thời hạn của Thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Mua chưa thu đủ tiền tạm ứng hoặc Bên Bán không chịu hoàn trả tiền tạm ứng thì cần phải yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thay Bên Bán trước Ngày Hết Hiệu Lực của Thư bảo lãnh.

⁴⁶ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁴⁷ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁴⁸ Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁴⁹ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký), giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra vấn đề này với Ngân hàng.

M2-BLHD

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁵⁰ Số: [--]⁵¹

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Bên Mua]*

Xét rằng, Công ty _____ *[ghi tên Bên Mua]*, trụ sở tại _____ *[ghi địa chỉ Bên Mua]* (sau đây gọi là “**Bên Mua**”) và Công ty _____ *[ghi tên Bên Bán]*, trụ sở tại _____ *[ghi địa chỉ Bên Bán]* (sau đây gọi là “**Bên Bán**”) đã ký kết Hợp Đồng *[ghi tên Hợp Đồng]* số _____ *[ghi số Hợp Đồng]* đề ngày _____ *[ghi ngày ký Hợp Đồng]* (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”).

Xét rằng, theo quy định của Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh của một ngân hàng để bảo đảm cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán được quy định trong Hợp Đồng.

Xét rằng, chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng]* (sau đây gọi là “**Ngân Hàng**”), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này để đảm bảo cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán được quy định trong Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là *[Ghi số tiền bảo lãnh]* (“**Số Tiền Bảo Lãnh**”). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm Hợp Đồng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này, mà không có bất kỳ tranh cãi, lý luận, hay yêu cầu nào về bất kỳ khoản tiền phải thanh toán nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này.

Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết 24h ngày _____ tháng _____ năm⁵², (“**Ngày Hết Hiệu Lực**”).

⁵⁰ Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng.

⁵¹ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁵² Là ngày kết thúc thời hạn thực hiện Hợp Đồng cộng thêm 70 ngày (hoặc một thời hạn khác ngắn hơn tùy từng trường hợp cụ thể, tính từ ngày mà Bên Bán có trách nhiệm cung cấp bảo lãnh bảo hành (hoặc từ ngày

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành [70] (bảy mươi)⁵³ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30] (ba mươi)⁵⁴ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực, nêu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này được phát hành thành [-]⁵⁵ bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁵⁶

hoàn thành công việc) theo quy định của Hợp Đồng. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc Ngày Hết Hiệu Lực trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng (bao gồm cả nghĩa vụ cung cấp bảo lãnh bảo hành) của Bên Bán với thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Bán không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng thì cần yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Bên Bán.

⁵³ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 70 ngày

⁵⁴ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GĐVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁵⁵ Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁵⁶ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký), giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra vấn đề này với Ngân hàng.

M3-BLBH
BẢO LÃNH BẢO HÀNH⁵⁷ Số: [--]⁵⁸

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Bên Mua]*

Xét rằng, Công ty _____ *[ghi tên Bên Mua]*, trụ sở tại _____ *[ghi địa chỉ Bên Mua]* (sau đây gọi là “**Bên Mua**”) và Công ty _____ *[ghi tên Bên Bán]*, trụ sở tại _____ *[ghi địa chỉ Bên Bán]* (sau đây gọi là “**Bên Bán**”) đã ký kết Hợp Đồng _____ *[ghi tên Hợp Đồng]* số _____ *[ghi số Hợp Đồng]* đề ngày _____ *[ghi ngày ký Hợp Đồng]* (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”).

Xét rằng, theo quy định của Hợp Đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một bảo lãnh của một ngân hàng để bảo đảm cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán đối với việc bảo hành Hàng Hóa theo quy định trong Hợp Đồng.

Xét rằng, chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng]* (sau đây gọi là “**Ngân Hàng**”), theo yêu cầu của Bên Bán đã đồng ý phát hành Bảo Lãnh Bảo Hành này để đảm bảo cho việc tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Bán đối với việc bảo hành Hàng Hóa được quy định trong Hợp Đồng.

Do đó, Ngân Hàng tại đây cam kết rằng Ngân Hàng bảo lãnh cho Bên Bán và chịu trách nhiệm, thay mặt Bên Bán, thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Mua khoản tiền với tổng giá trị là _____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* (“**Số Tiền Bảo Lãnh**”). Ngân Hàng cam kết trả cho Bên Mua toàn bộ hoặc bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của Bên Mua thông báo việc Bên Bán vi phạm nghĩa vụ bảo hành theo quy định của Hợp Đồng, trong thời hạn hiệu lực của Bảo Lãnh Bảo Hành này.

Ngân Hàng, tại đây đồng ý và xác nhận rằng, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng được ký giữa Bên Mua và Bên Bán sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của Ngân Hàng theo Bảo Lãnh Bảo Hành này.

Bảo Lãnh Bảo Hành này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết 24h _____ ngày _____ tháng _____ năm⁵⁹ (“**Ngày Hết Hiệu Lực**”).

⁵⁷ Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng.

⁵⁸ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của NHNN thì Thư bảo lãnh phải có số hiệu.

⁵⁹ Là ngày kết thúc thời hạn bảo hành cộng thêm 70 ngày (hoặc thời hạn khác ngắn/dài hơn tùy từng trường hợp cụ thể, tính từ ngày mà Bên Bán hết trách nhiệm bảo hành theo quy định của Hợp Đồng. Lưu ý cần kiểm tra để tránh việc ngày hết hạn trùng vào ngày nghỉ. Bên cạnh đó cần lưu ý đối chiếu việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên Bán với thời hạn của thư bảo lãnh và tuân thủ đúng quy trình kiểm soát bảo lãnh để nếu sắp đến Ngày Hết Hiệu Lực mà Bên Bán chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì cần yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thay Bên Bán trước Ngày Hết Hiệu Lực của Thư bảo lãnh.

Ngân Hàng xác nhận đã được thông báo rằng, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu Ngân Hàng thực hiện việc gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo Lãnh Bảo Hành này nếu văn bản xác nhận việc Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo Hợp Đồng không được Bên Mua ban hành 70 (bảy mươi)⁶⁰ ngày trước Ngày Hết Hiệu Lực. Ngân Hàng cam kết thanh toán cho Bên Mua toàn bộ Số Tiền Bảo Lãnh khi Ngân Hàng nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên Mua, trong thời hạn [30](ba mươi)⁶¹ ngày trước Ngày Hết Hạn Hiệu Lực, nêu rằng văn bản xác nhận việc Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo Hợp Đồng đã không được Bên Mua ban hành và Bảo Lãnh Bảo Hành này chưa được gia hạn.

Bảo Lãnh Bảo Hành này được phát hành thành [-]⁶² bản gốc và được điều chỉnh theo luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Bảo Lãnh Bảo Hành này sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

T/M VÀ ĐẠI DIỆN CHO NGÂN HÀNG⁶³

⁶⁰ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 70 ngày.

⁶¹ Đơn vị chủ trì soạn thảo Hợp Đồng chủ động điền thời gian gia hạn theo phê duyệt của GDVH. Trong trường hợp không có phê duyệt: thì điền thời gian tối thiểu là 30 ngày.

⁶² Nên quy định số bản gốc là 2. Thông thường Ngân hàng sẽ đề nghị phát hành một bản gốc và yêu cầu khi xuất trình yêu cầu thanh toán sẽ phải xuất trình kèm theo thư bảo lãnh gốc, điều này sẽ gây khó khăn và rủi ro cho Bên Mua (vì có thể có nhiều lần yêu cầu thanh toán và rủi ro là Ngân hàng làm mất bảo lãnh gốc). Do đó, nếu Ngân hàng chỉ phát hành một bản duy nhất thì phần điều kiện thanh toán sẽ không quy định Bên Mua có nghĩa vụ xuất trình kèm bản gốc thư bảo lãnh.

⁶³ Theo quy định của Thông tư 11/2022 của Ngân hàng Nhà nước thì Cam kết bảo lãnh phải được ký bởi: người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Do đó, khi nhận bảo lãnh cần kiểm tra xem người ký có đúng thẩm quyền không (yêu cầu Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết như: Giấy phép thành lập (nếu người đại diện theo PL ký), giấy ủy quyền (nếu đại diện theo ủy quyền ký). Bên cạnh đó, cần lưu ý hiện tại có một số ngân hàng đã phát hành phôi thư bảo lãnh và quy định các thư bảo lãnh hợp lệ phải được in trên phôi do ngân hàng phát hành nên khi nhận thư bảo lãnh cũng cần kiểm tra văn để này với Ngân hàng.

Phần thứ hai:
YÊU CẦU VỀ CHỨNG LOẠI CHẤT LƯỢNG DẦU DIESEL

TT	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí
1	Tổng số lượng dầu diesel dự kiến mua năm 2026	1.043.000 lít
2	Chủng loại dầu diesel	Dầu diesel DO 0,05S II
3	Chất lượng	Đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành
4	Thời gian bảo hành	Sau 3 đợt giao hàng kế tiếp
5	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mua
6	Điều kiện thanh toán	Sau khi giao hàng
7	Địa điểm giao hàng	Kho trên bãi và cấp trực tiếp cho các phương tiện thủy tại Công ty CP Cảng Quảng Ninh
8	Phương tiện giao hàng	Đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành

